

Bản án số: 72/2024/HS-ST

Ngày: 05/9/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kiên Cường.

2. Ông Đỗ Trung Xuân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Phùng Thị Thêu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2024/HSST ngày 12/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST - HS ngày 20 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Thị H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 30 tháng 10 năm 1974 tại B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 11, phường Ph, thành phố B1, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thanh H1 (đã chết) và bà Phạm Thị S; có chồng là Nguyễn Đình D (đã ly hôn) và có 04 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2017); tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Ngọc Th, sinh năm 1981; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 12, phường Ph, thành phố B1, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1987; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 8B, phường Ph, thành phố B1, tỉnh B. Vắng mặt.

3. Bà Lưu Thị H3, sinh năm 1986; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Thôn N, xã D, thành phố B1, tỉnh B. Vắng mặt.

4. Bà Hà Kim O, sinh năm 1981; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 11C, phường Đ, thành phố B, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp nhận tin báo về tội phạm của quần chúng nhân dân liên quan đến việc Phạm Thị H cho một số người dân trên địa bàn thành phố B1 vay tiền với lãi suất cao hơn quy định của pháp luật. Quá trình điều tra xác định trong thời gian từ tháng 03/2023 đến tháng 02/2024, Phạm Thị H đã cho Trần Ngọc Th, Nguyễn Thị H2, Lưu Thị H và Hà Kim O vay tiền với lãi suất từ 124,8% đến 145,4%/năm cao gấp 6,24 lần đến 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính, cụ thể:

1. Trần Ngọc Th, sinh năm 1981, trú tại tổ 12, phường Ph, thành phố B1.

Ngày 20/3/2023, ông Th vay của H số tiền 25.000.000 đồng. Khi cho vay, H yêu cầu ông Th viết giấy vay tiền, không phải cầm cố tài sản, tiền lãi phải trả theo tháng là 3.000.000đ/01 tháng, quy định mỗi tháng là 30 ngày không kể thực tế tháng đó có bao nhiêu ngày, tương đương với mức lãi suất 144%/năm, gấp 7,2 lần lãi suất được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự. Sau đó H sử dụng tài khoản ngân hàng số 39010000402xx mang tên PHAM THI H chuyển số tiền 25.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 1078600128xx mang tên TRAN NGOC TH. Sau khi chuyển tiền H liên hệ yêu cầu ông Th trả trước tiền lãi của tháng 3 và tháng 4 là 5.000.000 đồng nên ông Th đã chuyển trả cho H số tiền trên, sau đó H phát hiện số tiền lãi tháng 3 và tháng 4 là 6.000.000 đồng nên yêu cầu ông Th chuyển thêm 1.000.000 đồng, tuy nhiên ông Th chưa trả. Các tháng 5,6,7 ông Th đều chuyển tiền lãi đến số tài khoản 190374686340xx mang tên NGUYEN PHUONG A theo yêu cầu của H, cụ thể: Ngày 20/5/2023 trả tiền lãi 2.400.000 đồng, ngày 21/5/2023 trả tiền lãi 600.000 đồng, tổng là 3.000.000 đồng tiền là lãi của tháng 5/2023. Ngày 23/6/2023 trả tiền lãi 2.800.000 đồng. Ngày 29/7/2023 trả tiền lãi 800.000 đồng. Do ông Th gặp khó khăn nên H không yêu cầu trả lãi và cho trả dần gốc. Tính đến ngày 11/7/2024, ông Th đã trả cho H số tiền gốc là 19.600.000 đồng, còn nợ là 5.400.000 đồng.

Tổng số tiền lãi H đã thu của ông Th trong tháng 3,4,5,6,7 là 11.600.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất được phép thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 2.083.334 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 9.516.666 đồng.

2. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1987, trú tại tổ 8B, phường Ph, thành phố B.

Đầu tháng 3/2023, bà H2 vay của H số tiền 33.000.000 đồng. Khi cho vay, H yêu cầu viết giấy vay tiền, tài sản cầm cố là giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị H2, tiền lãi phải trả theo tháng là 4.000.000đ/01 tháng, quy định mỗi tháng là 30 ngày không kể thực tế tháng đó có bao nhiêu ngày, tương đương với mức lãi suất 145,4%/năm, gấp 7,27 lần lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự. Sau đó H đưa cho bà H2 số tiền 33.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền vay bà H2 đã trả 06 tháng tiền lãi vào số tài khoản của H và số tài khoản 109861912777 mang tên HA VAN D theo yêu cầu của H, cụ thể: Ngày 26/4/2023 trả tiền lãi 4.000.000 đồng. Ngày 10/8/2023 trả tiền lãi 3.800.000 đồng. Ngày 10/9/2023 trả tiền lãi 4.000.000 đồng. Ngày 25/9/2023 trả tiền lãi 4.000.000 đồng. Ngày 12/01/2024 trả tiền lãi 4.000.000 đồng. Ngày 01/02/2024 trả tiền lãi là 4.000.000 đồng. Đến tháng

02/2024, bà H2 đã trả H hết số tiền gốc là 33.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi H đã thu của bà H là 23.800.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất được phép thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 3.300.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 20.500.000 đồng.

3. Lưu Thị H3, sinh năm 1986, trú tại N, xã D, thành phố B2, tỉnh B.

Lần thứ nhất: Ngày 26/4/2023, bà H3 vay của H số tiền 10.000.000 đồng. Khi cho vay, H yêu cầu viết giấy vay tiền, tài sản cầm cố là giấy đăng ký xe mô tô mang tên Lưu Thị H3, tiền lãi phải trả theo tháng là 1.200.000 đồng/01tháng, quy định mỗi tháng là 30 ngày không kể thực tế tháng đó có bao nhiêu ngày, tương đương với mức lãi suất 144%/năm, gấp 7,2 lần lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự. Sau đó H chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng số 39010000402xx mang tên PHAM THI H vào tài khoản ngân hàng số 032580510xx mang tên LUU THI H3. Sau khi nhận tiền vay bà H3 đã trả 3 tháng tiền lãi, cụ thể: Ngày 26/4/2023 trả tiền lãi 1.200.000 đồng. Ngày 15/5/2023 trả tiền lãi 1.200.000 đồng. Ngày 26/6/2023 trả tiền lãi 1.200.000 đồng. Ngày 25/7/2023 bà H3 đã trả H hết số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

Lần thứ 2: Ngày 06/6/2023, bà H3 vay của H số tiền 15.000.000 đồng. Khi cho vay, H yêu cầu viết giấy vay tiền, tài sản cầm cố là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lưu Thị H3, tiền lãi phải trả theo tháng là 1.800.000 đồng/01tháng, quy định mỗi tháng là 30 ngày không kể thực tế tháng đó có bao nhiêu ngày, tương đương lãi suất 144%/năm, gấp 7,2 lần lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự. Khi cho vay H trừ luôn tiền lãi của tháng đầu tiên với số tiền là 1.800.000 đồng. Sau đó H chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng số 39010000402xx mang tên PHAM THI H chuyển số tiền 13.200.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 032580510001 mang tên LUU THI H3. Sau khi nhận tiền vay bà H3 đã chuyển khoản trả 2 tháng tiền lãi, cụ thể: Ngày 05/7/2023 trả tiền lãi 1.800.000 đồng. Ngày 09/9/2023 trả tiền lãi 1.800.000 đồng. Tháng 11/2023 bà H3 đã trả đủ cho H số tiền gốc là 15.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi H đã thu của bà H3 từ việc cho vay 2 lần với số tiền 25.000.000 đồng là 9.000.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất được phép thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.250.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 7.750.000 đồng.

4. Hà Kim O, sinh năm 1981, trú tại tổ 11C, phường Đ, thành phố 1B, tỉnh B.

Ngày 25/4/2023, bà O vay của H số tiền 50.000.000 đồng. Khi cho vay, H yêu cầu viết giấy vay tiền, không phải cầm cố tài sản, tiền lãi phải trả theo tháng là 5.200.000đồng/01tháng, quy định mỗi tháng là 30 ngày không kể thực tế tháng đó có bao nhiêu ngày, tương đương lãi suất 124,8%/năm, gấp 6,24 lần lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự. Sau đó H đưa cho bà O số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền vay bà O đã chuyển khoản cho H trả 2 tháng tiền lãi, cụ thể: Ngày 27/4/2023 trả tiền lãi 5.200.000 đồng. Ngày 25/6/2023 trả tiền lãi 3.150.000 đồng, ngày 27/6/2023 trả tiền lãi 1.450.000 đồng, ngày 30/6/2023 trả tiền lãi 600.000 đồng. Tháng 10/2023, bà O đã trả H đủ số tiền gốc là 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi H đã thu của bà O là 10.400.000đồng. Số tiền lãi cao nhất được phép thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 1.666.655 đồng. Số

tiền thu lợi bất chính là 8.733.345 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Phạm Thị H đã cho Trần Ngọc Th, Nguyễn Thị H2, Lưu Thị H3, Hà Kim O vay là 133.000.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu đồng), số tiền gốc người vay đã trả là 127.600.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng), số tiền gốc chưa trả là 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng số tiền lãi thu được là 54.800.000 đồng (Năm mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó số lãi tối đa được phép thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 8.299.989 đồng (Tám triệu hai trăm chín mươi chín nghìn chín trăm tám mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính là 46.500.011 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn không trăm mười một đồng).

Tại bản cáo trạng số 56/CT-VKS ngày 09/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Phạm Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Bắc Kạn nhận được quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo để sung quỹ nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Phạm Thị H phải nộp ngân sách nhà nước số tiền gốc đã nhận là 127.600.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng);

Buộc bị cáo Phạm Thị H phải nộp ngân sách nhà nước số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất Bộ luật dân sự quy định đã thu là 8.299.989 đồng (Tám triệu hai trăm chín mươi chín nghìn chín trăm tám mươi chín đồng);

Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc Th phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền gốc vay chưa trả là 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Phạm Thị H trả lại những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính, cụ thể:

- Trả ông Trần Ngọc Th số tiền 9.516.666 đồng (Chín triệu năm trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

- Trả bà Nguyễn Thị H2 số tiền 20.500.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trả bà Lưu Thị H3 số tiền 7.750.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả bà Hà Kim O số tiền 8.733.345 đồng (Tám triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, màu vàng đồng, máy cũ đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy 01 sim số thuê bao 03838116xx bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Với mục đích thu lợi bất chính, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2023 đến tháng 02/2024, Phạm Thị H đã cho Trần Ngọc Th, Nguyễn Thị H2, Lưu Thị H3, Hà Kim O vay số tiền 133.000.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu đồng) với mức lãi suất từ 124,8% đến 145,4%/năm, cao gấp 6,24 lần đến 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 46.500.011 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn không trăm mười một đồng).

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tài chính, tín dụng của Nhà nước, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo không có tiền sự, tiền án. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có mẹ để được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, hiện nay đang bị bệnh. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tính răn đe, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo là lao động tự do, không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo để sung quỹ nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung "Phạt tiền" đối với bị cáo.

* Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền số tiền gốc bị cáo đã sử dụng để cho vay xác định là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Khoản tiền gốc 127.600.000 đồng những người vay đã trả cho bị cáo cần phải truy thu nộp ngân sách nhà nước. Khoản tiền gốc 5.400.000 đồng ông Th chưa trả nên ông Th phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất Bộ luật dân sự quy định là 8.299.989 đồng mà bị cáo đã thu của những người vay. Đây là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội nên cần truy thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền lãi 46.500.011 đồng bị cáo đã thu của người vay cao hơn quy định của Bộ luật dân sự. Đây là khoản tiền thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay, cụ thể: Trả lại cho ông Trần Ngọc Th số tiền 9.516.666 đồng; trả lại cho bà Nguyễn Thị H2 số tiền 20.500.000 đồng; trả lại cho bà Lưu Thị H3 số tiền 7.750.000 đồng; trả lại cho bà Hà Kim O số tiền 8.733.345 đồng.

* Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, màu vàng đồng, máy cũ đã qua sử dụng. Số IMEI 1: 3584046641431975, IMEI 2: 3584046641471518. Bên trong gắn sim số thuê bao 03838116xx. Là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước đối với điện thoại, còn chiếc xác sim do không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

* Đối với việc Phạm Thị H khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 9/2023 đã nhiều lần vay tiền với người một người đàn ông có tên Hà Văn D nhưng không rõ thông tin cá nhân, địa chỉ với lãi suất 3.000đồng/1 triệu/1ngày để làm ăn và chữa bệnh. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa có đủ căn cứ xác định người có tên Hà Văn D là ai, ở đâu nên đã tách hành vi và tài liệu liên quan đến hành vi cho vay lãi của Hà Văn D với Phạm Thị H để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

* Đối với chị Nguyễn Phương A là người đứng tên số tài khoản 190374686340xx mà Phạm Thị H yêu cầu người vay chuyên khoản trả tiền lãi, nhưng chị A không biết, không được bàn bạc gì với H về việc này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 36; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Thị H cho Ủy ban nhân dân phường Ph, thành phố B1, tỉnh B giám sát, giáo dục theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

* Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Phạm Thị H phải nộp ngân sách nhà nước số tiền gốc đã nhận là 127.600.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng);

Buộc bị cáo Phạm Thị H phải nộp ngân sách nhà nước số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất Bộ luật dân sự quy định đã thu là 8.299.989 đồng (Tám triệu hai trăm chín mươi chín nghìn chín trăm tám mươi chín đồng);

Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc Th phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền gốc vay chưa trả là 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Phạm Thị H trả lại những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính, cụ thể:

- Trả ông Trần Ngọc Th số tiền 9.516.666 đồng (Chín triệu năm trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

- Trả bà Nguyễn Thị H2 số tiền 20.500.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trả bà Lưu Thị H3 số tiền 7.750.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả bà Hà Kim O số tiền 8.733.345 đồng (Tám triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, màu vàng đồng, máy cũ đã qua sử dụng. Số IMEI 1: 3584046641431975, IMEI 2: 3584046641471518.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim số thuê bao 03838116xx bên trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, màu vàng đồng, máy cũ đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND thành phố;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Trần Thị Dương